

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /TT-BTC

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN HỖ TRỢ TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chính sách hỗ trợ tài chính về chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là bảo hiểm), đào tạo nghề ngắn hạn, tiền thuê đất cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg (sau đây gọi chung là Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư, gồm:

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm, thủy sản do nhà nước làm chủ sở hữu;
2. Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ;
3. Hợp tác xã;

4. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).
5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Các đối tượng nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 (sau đây gọi chung là đơn vị sử dụng lao động) sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo danh sách quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ về đào tạo nghề ngắn hạn:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng) với mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, cụ thể:

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo:

Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

Người dân tộc thiểu số: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

b) Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:

Hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/ người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người học là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

c) Mức hỗ trợ nêu tại điểm b khoản 1 Điều này chỉ áp dụng cho mỗi người lao động một lần.

d) Đơn vị sử dụng lao động thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng tại các cơ sở đào tạo đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

2. Hỗ trợ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ nộp thay cho các đơn vị có sử dụng lao động tiền bảo hiểm cho lao động là người dân tộc thiểu số được tuyển dụng mới hoặc ký hợp đồng lao động. Thời gian Ngân sách nhà nước hỗ trợ nộp thay cho đơn vị sử dụng lao động tối đa là 05 năm đối với một người lao động.

3. Hỗ trợ về tiền thuê đất:

a) Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 30% đến dưới 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động có mặt làm việc thường xuyên tại đơn vị (theo số lao động có mặt vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề năm báo cáo) được giảm 50% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 50% lao động là người dân tộc thiểu số trở lên so với tổng số lao động có mặt thường xuyên làm việc tại đơn vị (theo số lao động có mặt vào thời điểm

ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề năm báo cáo) được miễn 100% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí về đào tạo ngắn hạn, tiền bảo hiểm.
2. Kinh phí hỗ trợ đào tạo cấp trực tiếp cho đơn vị sử dụng lao động theo kế hoạch đào tạo được Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phê duyệt đối với các đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước; Bộ, ngành phê duyệt đối với các đơn vị thuộc Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với đơn vị thuộc địa phương (kể cả hợp tác xã, doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở chính đóng trên địa bàn).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Lập dự toán hỗ trợ kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm:

1. Hàng năm trước ngày 31/7 năm trước năm kế hoạch, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; Bộ ngành; Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm của các đơn vị sử dụng lao động thuộc phạm vi quản lý: tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc; Bộ ngành đối với tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ; Sở Tài chính đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc địa phương).

Dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm được xây dựng trên cơ sở nhu cầu sử dụng lao động và kế hoạch tuyển dụng lao động trong đó có lao động là người dân tộc thiểu số của các đơn vị sử dụng lao động. Dự toán kinh phí bao gồm các nội dung sau:

a) Dự toán hỗ trợ kinh phí đào tạo: lập theo biểu Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này, trong đó:

- Số lao động là người dân tộc thiểu số đã tuyển dụng chưa được đào tạo thời điểm ngày 31/12 năm trước liền kề năm lập dự toán.
- Số lao động là người dân tộc thiểu số cần tuyển dụng và đào tạo năm kế hoạch.
- Ngành nghề đào tạo, số lượng lao động cần đào tạo theo từng ngành nghề do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo nhu cầu của đơn vị.
- Thời gian đào tạo: tùy theo ngành nghề đào tạo do Thủ trưởng đơn vị xác định, nhưng tối đa không quá 03 tháng cho 1 khóa học.
- Hình thức đào tạo: thực hiện thông qua cơ sở đào tạo đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định.
- Chi phí đào tạo (bao gồm cả mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại): theo mức chi phí đào tạo cụ thể của từng nghề và thời gian học nghề thực tế tại các cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

b) Dự toán hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm: lập theo biểu Phụ lục số 02 đính kèm Thông tư này, trong đó:

- Số lao động là người dân tộc thiểu số có đến 31/12 năm trước liền kề năm lập dự toán.

- Số lao động là người dân tộc thiểu số tuyển mới năm kế hoạch.
- Số tháng được hỗ trợ.
- Mức hỗ trợ.

c) Giải trình, thuyết minh số liệu cho các phụ biểu kèm theo.

2. Tổng hợp dự toán:

a) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm vào dự toán chi ngân sách hàng năm của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo Luật Ngân sách Nhà nước.

b) Bộ, ngành tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm vào dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo Luật Ngân sách Nhà nước.

c) Sở Tài chính tổng hợp và xác định phần kinh phí đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm của các đơn vị thuộc địa phương quản lý (bao gồm cả các hợp tác xã, doanh nghiệp ngoài nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm vào dự toán chi ngân sách hàng năm của địa phương đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Giao và phân bổ dự toán:

Căn cứ dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính thông báo; các Bộ, ngành, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các địa phương phân bổ dự toán kinh phí cho các đơn vị sử dụng lao động thuộc phạm vi quản lý. Thời gian phân bổ dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Cấp phát kinh phí hỗ trợ

1. Đối với trung ương:

a) Căn cứ dự toán ngân sách về hỗ trợ kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính tạm ứng tối đa 70% dự toán được giao ngay từ quý 1 năm kế hoạch để các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; các Bộ ngành thực hiện chính sách hỗ trợ cho đơn vị sử dụng lao động. Việc cấp phát kinh phí thực hiện bằng lệnh chi tiền.

Kết thúc năm ngân sách, căn cứ vào quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sử dụng lao động do các Bộ ngành, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước rà soát và thẩm định, Bộ Tài chính xem xét cấp nốt số kinh phí còn thiếu cho các Bộ, ngành, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc yêu cầu hoàn trả ngân sách nhà nước trong trường hợp số kinh phí không sử dụng hết.

2. Đối với các đơn vị địa phương:

a) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao, trên cơ sở đề nghị của địa phương, Bộ Tài chính sẽ xem xét tạm ứng tối đa 70% dự toán được giao ngay từ quý 1 năm kế hoạch để địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ cho đơn vị sử dụng lao động.

b) Căn cứ báo cáo của các đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số và số kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính cấp bằng lệnh chi tiền cho các tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số.

Đối với kinh phí hỗ trợ bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), Sở Tài chính thực hiện cấp cho đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, đồng thời thay đơn vị sử dụng lao động chuyển số kinh phí trực tiếp cho cơ quan bảo hiểm theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ nếu như đơn vị sử dụng lao động chưa nộp các khoản kinh phí bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm. Trường hợp đơn vị sử dụng lao động đã nộp các khoản kinh phí bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm thì Sở Tài chính không phải chuyển kinh phí cho cơ quan bảo hiểm, thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ bảo hiểm cho đơn vị có sử dụng kinh phí tương ứng với số kinh phí bảo hiểm đơn vị đã nộp cho cơ quan bảo hiểm.

c) Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm gửi Bộ Tài chính để bổ sung cho địa phương trong trường hợp thiếu nguồn kinh phí hoặc đề nghị hoàn trả ngân sách trung ương số kinh phí không sử dụng hết.

3. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Hồ sơ hỗ trợ kinh phí đào tạo bao gồm: Danh sách người lao động được đào tạo theo Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này; hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán tiền giữa đơn vị sử dụng lao động với cơ sở đào tạo nghề.

b) Hồ sơ hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm: Danh sách người lao động được hỗ trợ đóng bảo hiểm; mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của từng lao động; tổng số kinh phí bảo hiểm đề nghị ngân sách hỗ trợ có xác nhận của cơ quan bảo hiểm theo Phụ lục số 04 đính kèm theo Thông tư này.

4. Thời gian thẩm định và cấp kinh phí hỗ trợ: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp kinh phí hỗ trợ cho đơn vị trong vòng 10 ngày làm việc.

Điều 7. Công tác quyết toán, kiểm tra

1. Các đơn vị được hỗ trợ kinh phí phải thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này. Kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp.

2. Đối với đơn vị trung ương: quyết toán gửi các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đối với đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; gửi các Bộ đối với đơn vị trực thuộc Bộ. Các tập đoàn, tổng công ty, các Bộ, ngành kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ của các đơn vị và tổng hợp gửi Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.

3. Đối với các đơn vị địa phương: quyết toán gửi Sở Tài chính, Sở Tài chính kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, tiền bảo hiểm và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính để theo dõi tổng hợp chung (kèm theo văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của đơn vị sử dụng lao động, Quyết định phân bổ dự toán và phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, biên bản thẩm định quyết toán của Sở Tài chính đối với đơn vị sử dụng lao động).

Kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg được hạch toán, tổng hợp vào quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Hạch toán kế toán:

Việc hạch toán khoản kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm đối với các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg được thực hiện theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Điều 9. Miễn, giảm tiền thuê đất

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, xem xét, quyết định miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ khi được đơn vị sử dụng lao động cung cấp đầy đủ các thông tin sau:

a) Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định cho miễn hoặc giảm tiền thuê đất của đơn vị sử dụng lao động;

b) Danh sách lao động đã tuyển dụng đến ngày 31/12 năm trước liền kề năm lập dự toán (bao gồm số lao động là người dân tộc thiểu số, số lao động đơn vị đang sử dụng và đã tuyển dụng);

c) Hợp đồng lao động (hoặc hợp đồng giao, nhận khoán) giữa đơn vị sử dụng lao động và người lao động; trong đó một hợp đồng giao, nhận khoán được tính như một hợp đồng lao động.

d) Hợp đồng thuê đất đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện tích phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hàng năm, nếu tỷ lệ lao động dân tộc thiểu số so với tổng số lao động có mặt làm việc tại đơn vị không thay đổi hoặc có thay đổi nhưng không làm ảnh hưởng đến mức miễn, giảm tiền thuê đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định thì đơn vị chỉ gửi báo cáo về tình hình sử dụng lao động trong năm kế hoạch cho cơ quan liên quan biết để theo dõi.

Điều 10. Về áp dụng định mức lao động

1. Đơn vị sử dụng lao động được áp dụng định mức lao động bằng 80% định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho lao động là người dân tộc thiểu số. Thời gian áp dụng là 05 năm đối với một người lao động vào làm việc tại đơn vị.

2. Đơn vị sử dụng lao động được hạch toán 20% định mức lao động chung của đơn vị vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Nếu đơn vị, tổ chức lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với lao động dân tộc thiểu số quy định trong Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg để trục lợi cho đơn vị và cá nhân sẽ bị xử lý theo luật pháp và quy định dưới đây:

a) Báo cáo sai số lượng lao động dân tộc thiểu số để quyết toán kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm, dẫn đến việc rút tiền hỗ trợ của nhà nước cao hơn thực tế được hưởng thì thủ trưởng đơn vị phải bồi hoàn cho ngân sách nhà nước và bị xử lý, kỷ luật về hành vi sai phạm trong quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Báo cáo sai số lượng lao động đã tuyển dụng đến 31/12 năm trước liền kề năm lập dự toán, trong đó có số lao động dân tộc thiểu số dẫn đến thay đổi tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động được tuyển dụng có mặt tại đơn vị để được miễn hoặc giảm tiền thuê đất thì ngoài việc phải truy thu nộp tiền thuê đất, thủ trưởng đơn vị bị xử lý kỷ luật về hành vi kê khai gian lận thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan

2. Trường hợp dự toán kinh phí năm kế hoạch có chênh lệch lớn so với số liệu quyết toán năm trước mà đơn vị sử dụng lao động không thuyết minh giải trình đầy đủ, hợp lý thì cơ quan tài chính chỉ xem xét tạm ứng kinh phí theo mức độ thực hiện của năm trước.

3. Trường hợp tổ chức, đơn vị sử dụng lao động không thực hiện lập dự toán và quyết toán kinh phí kịp thời theo thời gian đã quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này trong 02 năm trước đó sẽ không được cơ quan tài chính xem xét tạm ứng kinh phí cho năm kế hoạch.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm và thay thế Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 03/5/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ, miễn giảm tiền thuê đất năm 2016 thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 03/05/2013 của Bộ Tài chính. Từ năm 2017 trở đi việc lập dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ, miễn giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW & các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VP ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các tập đoàn kinh tế nhà nước, TCTy Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

